

PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC TỨ HIỆP

== 0⁰ ==



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

Đề tài :

**Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3
học tốt “biện pháp tu từ so sánh”**

Giáo viên: Trương Thuý Ngân

Hà Nội, tháng 5 năm 2011

A ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lý do chọn đề tài

Giáo dục như ánh thái dương phản chiếu cả đến những gian nhà cỏ thấp bé, mái tranh của con nhà nghèo.

Pestalotti

Giáo dục hiện nay là quốc sách của mọi quốc gia. Ở nước ta cũng vậy, giáo dục được đặc biệt coi trọng vì giáo dục có trọng trách đào tạo thế hệ mới, lớp người mới cho xã hội. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục tiểu học có vị trí đặc biệt quan trọng. Đây là bậc học đầu tiên được xác định là: “Bậc học nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân”.

Giáo dục tiểu học là nền móng, là cơ sở ban đầu hết sức quan trọng, góp phần đào tạo ra lớp người mới phát triển một cách toàn diện. Ở Việt Nam, những năm gần đây giáo dục tiểu học được đặc biệt quan tâm. Trong chương trình giáo dục tiểu học, môn Tiếng Việt là môn học chiếm thời lượng lớn nhất. Nó cung cấp khối lượng kiến thức cơ bản cho học sinh trước khi vào đời đồng thời giúp học sinh rèn luyện và nâng cao trình độ sử dụng phương tiện học tập, nâng cao kỹ năng sử dụng Tiếng Việt. Ngoài ra, việc dạy Tiếng Việt không chỉ giúp học sinh có phương tiện giao tiếp, có công cụ để nắm bắt, lĩnh hội tri thức các môn học khác mà còn thông qua đó giáo dục các em tình cảm yêu mến tiếng mẹ đẻ, thấy được cái hay, cái đẹp, cái tinh túy của Tiếng Việt – Tiếng quốc ngữ.

Môn Tiếng Việt ở trường tiểu học được chia thành 6 phân môn: Tập đọc, kể chuyện, chính tả, tập làm văn, tập viết và luyện từ và câu. Tuy luyện từ và câu chỉ là một trong các phân môn của Tiếng Việt và thời lượng chỉ có một tiết một tuần nhưng lại góp phần không nhỏ trong việc cung cấp cho học sinh vốn từ vựng, cách sử dụng Tiếng Việt đúng ngữ pháp, bước đầu làm quen và tìm hiểu về một số biện pháp tu từ. Nói đến một số biện pháp tu từ không thể không nhắc đến biện pháp tu từ so sánh. So sánh có khả năng khắc họa hình ảnh và gây ấn tượng mạnh mẽ làm nên một hình thức miêu tả sinh động, mặt khác so sánh còn có tác dụng làm cho lời

nói rõ ràng, cụ thể sinh động, diễn đạt được mọi sắc thái biểu cảm. So sánh tu từ còn là phương thức bộc lộ tâm tư tình cảm một cách kín đáo và tế nhị. Như vậy đối với tác phẩm văn học nói chung so sánh mang chức năng nhận thức và biểu cảm.

Nhờ những hình ảnh bóng bẩy, ước lệ, dùng cái này để đối chiếu cái kia nhằm diễn tả những ngụ ý nghệ thuật mà so sánh tu từ được sử dụng phổ biến trong thơ ca, đặc biệt là thơ viết cho thiếu nhi. So sánh tu từ giúp các em hiểu và cảm nhận được những bài thơ, bài văn hay, từ đó góp phần mở mang trí thức làm phong phú về tâm hồn, tạo hứng thú khi viết văn, rèn luyện ý thức, yêu quý Tiếng Việt giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt cho học sinh.

Qua thực tế giảng dạy biện pháp tu từ so sánh, tôi nhận thấy nếu giáo viên không nghiên cứu kĩ bài và tìm ra được phương pháp dạy học hợp lí thì khi dạy có khi sẽ biến giờ học luyện từ và câu thành một tiết “**giảng văn**”. Như vậy là chưa đúng phương pháp đặc trưng bộ môn, dẫn đến học sinh không nắm được kiến thức trọng tâm của bài. Ngoài ra, giáo viên có khi còn lúng túng trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh. Chính vì vậy, giờ học trở nên nhàm chán, buồn tẻ. Nhận thức được điều đó, tôi luôn tự ý thức cho mình phải học hỏi, đào sâu suy nghĩ để trang bị vốn kiến thức cho mình cũng như nắm vững về phương pháp giảng dạy, tìm tòi những hình thức dạy học phong phú, sáng tạo, phát huy được trí lực của học sinh, bởi tôi thiết nghĩ rằng: “**Cô có giỏi thì trò mới giỏi**”.

Là một giáo viên được phân công giảng dạy lớp 3, với lòng yêu nghề, yêu trò, tôi luôn trăn trở, suy nghĩ làm thế nào để giúp học sinh hứng thú khi học về biện pháp tu từ so sánh. Điều đó đã luôn thôi thúc tôi tìm tòi và nghiên cứu tài liệu, học hỏi phương pháp giảng dạy của bạn bè, đồng nghiệp, sự giúp đỡ chỉ đạo của Ban giám hiệu, tôi đã rút ra cho bản thân: **Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 học tốt biện pháp tu từ so sánh.**

Tôi hy vọng đề tài này sẽ nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, ngành giáo dục đào tạo để giúp giáo viên chúng tôi có vốn tri thức trong giảng dạy, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

B: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Cơ sở lí luận

Mục tiêu của môn Tiếng Việt ở tiểu học là: Hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động lứa tuổi. Thông qua việc dạy học Tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy, cung cấp cho học sinh những kiến thức sơ giản về Tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, về văn hoá, văn học Việt Nam và nước ngoài.

Bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt và thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam trong xã hội chủ nghĩa.

Trong chương trình lớp 3, với tư cách là một phân môn thực hành môn Tiếng Việt ở trường tiểu học, luyện từ và câu có nhiệm vụ hình thành và phát triển cho học sinh năng lực sử dụng từ và câu trong giao tiếp và học tập. Dạy luyện từ và câu chính là dạy thực hành từ ngữ trên quan điểm giao tiếp, dạy từ trên bình diện lời nói. Đó chính là công việc làm giàu vốn từ cho học sinh, giúp học sinh mở rộng, phát triển vốn từ (*phong phú hoá vốn từ*) nắm nghĩa của từ (*chính xác hoá vốn từ*) luyện tập sử dụng từ (*tích cực hoá vốn từ*). Bên cạnh đó, nhiệm vụ của việc rèn luyện về câu ở tiểu học nói chung là thông qua các hoạt động thực hành giúp học sinh hệ thống lại những kiến thức sơ giản về ngữ pháp mà các em đã được tích lũy trong vốn sống của mình, dần dần hình thành các quy tắc dùng từ, đặt câu và tạo lập văn bản trong giao tiếp. Từ đó giúp học sinh nói năng đúng chuẩn, phù hợp với mục đích và môi trường giao tiếp đồng thời góp phần rèn luyện tư duy và giáo dục thẩm mĩ cho học sinh.

II. Thực trạng:

1. Về sách giáo khoa:

Biện pháp nghệ thuật so sánh là nội dung mới được đưa vào phân môn luyện từ và câu lớp 3 nên mặc dù SGK đã chú trọng phương pháp thực hành nhưng những

B: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Cơ sở lí luận

Mục tiêu của môn Tiếng Việt ở tiểu học là: Hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết) để học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động lứa tuổi. Thông qua việc dạy học Tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy, cung cấp cho học sinh những kiến thức sơ giản về Tiếng Việt và những hiểu biết sơ giản về xã hội, tự nhiên và con người, về văn hoá, văn học Việt Nam và nước ngoài.

Bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt và thói quen giữ gìn sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam trong xã hội chủ nghĩa.

Trong chương trình lớp 3, với tư cách là một phân môn thực hành môn Tiếng Việt ở trường tiểu học, luyện từ và câu có nhiệm vụ hình thành và phát triển cho học sinh năng lực sử dụng từ và câu trong giao tiếp và học tập. Dạy luyện từ và câu chính là dạy thực hành từ ngữ trên quan điểm giao tiếp, dạy từ trên bình diện lời nói. Đó chính là công việc làm giàu vốn từ cho học sinh, giúp học sinh mở rộng, phát triển vốn từ (*phong phú hoá vốn từ*) nắm nghĩa của từ (*chính xác hoá vốn từ*) luyện tập sử dụng từ (*tích cực hoá vốn từ*). Bên cạnh đó, nhiệm vụ của việc rèn luyện về câu ở tiểu học nói chung là thông qua các hoạt động thực hành giúp học sinh hệ thống lại những kiến thức sơ giản về ngữ pháp mà các em đã được tích lũy trong vốn sống của mình, dần dần hình thành các quy tắc dùng từ, đặt câu và tạo lập văn bản trong giao tiếp. Từ đó giúp học sinh nói năng đúng chuẩn, phù hợp với mục đích và môi trường giao tiếp đồng thời góp phần rèn luyện tư duy và giáo dục thẩm mĩ cho học sinh.

II. Thực trạng:

1. Về sách giáo khoa:

Biện pháp nghệ thuật so sánh là nội dung mới được đưa vào phân môn luyện từ và câu lớp 3 nên mặc dù SGK đã chú trọng phương pháp thực hành nhưng những

bài tập sáng tạo vẫn còn ít, đơn điệu. Điều này khiến cho học sinh còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình lĩnh hội các kiến thức mới.

2. Về phía giáo viên:

Người giáo viên còn gặp không ít khó khăn như cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và tài liệu tham khảo còn ít. Một số bộ phận nhỏ giáo viên vẫn chưa chú trọng quan tâm đến việc lồng ghép trong quá trình dạy học giữa các phân môn của môn Tiếng Việt với nhau, để khơi dậy sự hứng thú học tập và sự tò mò của phân môn này với phân môn khác trong môn Tiếng Việt.

3. Về phía học sinh:

Do khả năng tư duy của học sinh còn dừng lại ở mức độ tư duy đơn giản, trực quan nên việc cảm thụ nghệ thuật tu từ so sánh còn hạn chế. Vốn kiến thức văn học của học sinh, nhất là học sinh vùng thôn quê của chúng tôi còn rất hạn chế do nguồn sách báo, tài liệu văn học còn ít ỏi. Vì đa số các em đều là con em gia đình thuần nông. Một số em nhận biết về nghệ thuật còn hạn chế, chỉ mới biết một cách cụ thể nên khi tiếp thu về nghệ thuật so sánh tu từ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy đòi hỏi người giáo viên cần hướng dẫn một cách tỷ mỉ thực tế.

* Qua khảo sát chất lượng về kỹ năng nhận biết biện pháp tu từ so sánh của học sinh lớp 3 trong học kỳ I năm học 2010-2011 tôi đã thu được kết quả như sau:

- Tổng số học sinh lớp 3C là 34 em:

Số học sinh đạt yêu cầu về nhận biết tu từ so sánh	Số học sinh chưa có kỹ năng nhận biết tu từ so sánh nhanh	Số học sinh còn nhầm lẫn khi nhận biết tu từ so sánh
10/34 $\approx$ 29,4%	11/34 $\approx$ 32,4%	13/34 $\approx$ 38,2%

III. Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 học tốt biện pháp tu từ so sánh.

1. *Nắm vững nội dung chương trình, kiến thức kĩ năng cơ bản, hệ thống bài tập về biện pháp tu từ so sánh ở SGK lớp 3 :*

Để giúp học sinh lớp 3 học tốt biện pháp tu từ so sánh tôi nhận thấy việc đầu tiên giáo viên cần làm là nắm vững nội dung chương trình, kiến thức kĩ năng cơ bản, các dạng bài về biện pháp tu từ so sánh ở SGK lớp 3.

Sau khi nghiên cứu kĩ SGK tôi nhận thấy:

1.1 *Về nội dung chương trình, kiến thức kĩ năng cơ bản:*

* Biện pháp tu từ so sánh được dạy ở phân môn luyện từ và câu và xen kẽ trong 8 bài ở các tuần: 1, 3, 5, 7, 10, 12, 15 và tuần ôn tập 18. ở mỗi bài đều có mục đích yêu cầu riêng và được nâng dần từ dễ đến khó. Cụ thể như sau:

Tuần	Mục đích yêu cầu
1	Bước đầu học sinh được làm quen với biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh.
3	Tìm được những hình ảnh so sánh trong các câu thơ, câu văn,. Nhận Biết các từ chỉ sự so sánh trong các câu đó.
5	+ Nắm được một kiểu so sánh mới: so sánh hơn kém + nắm được các từ có ý nghĩa so sánh hơn kém. Biết cách thêm các từ so sánh vào những câu chưa có từ so sánh.
7	Nắm được một kiểu so sánh: so sánh sự vật với con người.
10	Tiếp tục làm quen với phương pháp so sánh: So sánh âm thanh với âm thanh.
12	Tiếp tục học về phép so sánh: so sánh hoạt động với hoạt động.
15	Tiếp tục học về phép so sánh: đặt được câu có hình ảnh so sánh.
18	Ôn luyện về so sánh (tìm được những hình ảnh so sánh trong câu văn).

1.2 *Về hệ thống bài tập :*

Qua tìm hiểu trong SGK Tiếng Việt 3, tôi thấy các bài tập về biện pháp tu từ so

sánh có 2 dạng:

***Dạng 1:** Dạng bài tập nhận biết biện pháp tu từ so sánh.

SGK Tiếng Việt không trực tiếp giới thiệu khái niệm so sánh (với tư cách là một biện pháp tu từ) cho học sinh, mà thông qua hàng loạt bài tập dần dần hình thành ở học sinh khái niệm này. Hình thức bài tập thường là nêu ngữ liệu (câu văn, câu thơ, đoạn văn, đoạn thơ) trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh; yêu cầu học sinh chỉ ra các hình ảnh so sánh, các sự vật được so sánh với nhau trong các ngữ liệu ấy. Đây là dạng bài tập rất đơn giản. Dạng này chiếm đa số trong chương trình. Nó được xây dựng dựa trên 4 mô hình sau:

a) **Mô hình 1:** So sánh: Sự vật – Sự vật.

Ví dụ: Bài 2 (SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 8): *Tìm sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn dưới đây:*

“ Hai bàn tay em

Như hoa đầu cành”

(Huy Cận)

“ Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ màu ngọc thạch”

(Vũ Tú Nam)

“ Cánh diều như dấu á

Ai vừa tung lên trời”

(Phạm Như Hà)

b) **Mô hình 2:** So sánh: Sự vật – Con người.

Ví dụ: Bài tập 1 (SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 58): *Tìm các hình ảnh so sánh trong các câu dưới đây:*

“ Trẻ em như búp trên cành

Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan”

(Hồ Chí Minh)

“ Bà như quả ngọt chín rồi

Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng”

(Võ Thanh An)

c) **Mô hình 3:** So sánh: Hoạt động - Hoạt động.

Ví dụ: Bài tập 2 (SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 98): Trong các đoạn trích sau, những hoạt động nào được so sánh với nhau:

“ Con trâu đen lông mượt

Cái sừng nó vênh vênh

Nó cao lớn lênh khênh

Chân đi như đập đất”

(Trần Đăng Khoa)

d) **Mô hình 4:** So sánh: Âm thanh – Âm thanh.

Ví dụ: Bài tập 2 (SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 117): Tìm những âm thanh được so sánh với nhau trong câu thơ dưới đây:

“ Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai ”

(Nguyễn Trãi)

Ngoài các mô hình so sánh trên học sinh còn được làm quen với các bài tập kiểu so sánh: Ngang bằng và hơn kém. Chẳng hạn:

+ Trong câu: “Cháu khỏe hơn ông nhiều!”

(Phạm Cúc)

Kiểu so sánh hơn kém:

+ Trong câu: “Ông là buổi trời chiều

Cháu là ngày rạng sáng”

(Phạm Cúc)

Kiểu so sánh ngang bằng:

+ Trong câu:

“Trăng khuya trắng sáng hơn đèn”

(Trần Đăng Khoa)

Kiểu so sánh hơn kém:

+ Trong câu:

"Những ngôi sao thức ngoài kia
Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con"

(Trần Quốc Minh)

Kiểu so sánh hơn kém

***Dạng 2: Dạng bài tập vận dụng biện pháp tu từ so sánh:**

Dạng bài tập này giúp học sinh biết cách sử dụng biện pháp tu từ so sánh. Đây là dạng bài tập có tính tư duy, sáng tạo cao hơn. Dạng bài này tập trung ở cuối chương trình HKI gồm 2 kiểu bài tập:

- Bài tập: Nhìn tranh đặt câu

Ví dụ: Bài tập 3 (SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 126)

Quan sát từng cặp sự vật được vẽ dưới đây rồi viết những câu có hình ảnh so sánh các sự vật trong tranh:



- Bài tập: điền khuyết:

Ví dụ: Bài tập 4 (SGK Tiếng Việt tập I trang 126): *Tìm những từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống:*

a) Công cha nghĩa mẹ được so sánh như ... như...

b) Trời mưa, đường đất sét trơn như ...

c) Ở thành phố có nhiều toà nhà cao như ...

Với việc nắm vững nội dung chương trình, kiến thức kĩ năng cơ bản, hệ thống bài tập về biện pháp tu từ so sánh ở SGK lớp 3 tôi rất tự tin khi soạn bài cũng như thực hiện tiết dạy trên lớp bởi tôi biết mình cần phải cung cấp cho các em những kiến thức nào là vừa và đủ.

2. Nắm vững phương pháp và quy trình giảng dạy:

Song song với việc nắm vững nội dung chương trình, kiến thức, kĩ năng cơ bản, hệ thống bài tập về biện pháp tu từ so sánh ở SGK lớp 3, tôi nhận thấy để truyền tải kiến thức tới học sinh một cách tốt nhất thì người giáo viên không thể không nắm vững phương pháp và quy trình giảng dạy.

Để học sinh học tốt dạng bài tu từ so sánh, ở mỗi bài tập, tôi thường vận dụng linh hoạt các phương pháp như hỏi - đáp, quan sát - thực hành, ... và hướng dẫn học sinh lần lượt làm các bài tập trong SGK theo các bước như sau:

- Đọc đề, xác định yêu cầu của bài tập.
- Làm mẫu một ví dụ nếu thấy cần thiết.
- Học sinh giải bằng miệng một phần bài hoặc cả bài tập (Tuỳ độ dài hoặc khó của bài tập).
- Học sinh viết bài giải vào vở.
- Chữa bài tập chung trên lớp, có lưu ý một số lỗi phổ biến và cá biệt của học sinh.
- Rút kinh nghiệm bài làm. củng cố kiến thức cần ghi nhớ.

*** Lưu ý :** Có những bài tập không chỉ có một lời giải duy nhất. Trong trường

hợp ấy, tôi thường xác nhận tất cả các lời giải đúng và chốt lời giải hay nhất.

Đối với những bài tập cần trình bày thành bảng, tôi hướng dẫn học sinh chi tiết và dành đủ thời gian cho các em làm bài cũng như luôn đảm bảo việc kiểm tra vở của một số học sinh để nhận xét, chỉnh sửa.

Một trong những công việc quan trọng của người giáo viên trên lớp là chữa bài cho học sinh, muốn làm tốt công việc này thì người giáo viên cần phải nắm vững về biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh. Đây cũng chính là biện pháp thứ 3 mà tôi muốn nêu ra trong đề tài này.

3. Nắm vững về biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh :

Qua thực tế giảng dạy, tôi thấy nếu chỉ dựa vào những kiến thức trong sách giáo viên thì rất thụ động trong việc truyền tải kiến thức tới học sinh, hơn nữa nếu các em hỏi những câu khác ngoài bài giáo viên sẽ rất lúng túng. Điều đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hình tượng giáo viên trong mắt học sinh. Bởi vậy, bên cạnh việc nắm vững nội dung chương trình SGK, các dạng bài tập, quy trình giảng dạy, ... tôi thấy rất cần thiết phải nắm vững về biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh.

Qua nghiên cứu tài liệu, các sách tham khảo, tôi nhận thấy:

So sánh là biện pháp tu từ, trong đó người ta đối chiếu hai hay nhiều đối tượng khác nhau nhưng giống nhau ở một điểm nào đó, để hiểu rõ hơn về một đối tượng được nói tới.

Cấu trúc đầy đủ của so sánh được thể hiện qua sơ đồ sau:

Mặt	Tươi	như	hoa
(1)	(2)	(3)	(4)

Trong đó:

- (1) Đối tượng được so sánh.
- (2) Phương diện so sánh.
- (3) Từ biểu thị quan hệ so sánh (như, như thể, như là, giống, giống như, tựa như, hệt như,...)
- (4) Đối tượng đưa ra làm chuẩn so sánh.

Trong thực tế có thể gặp một số cấu trúc so sánh không đầy đủ:

- + Vắng yếu tố (1) : Hiền như bọt.
- + Vắng yếu tố (2) : Trẻ em như búp trên cành.
- + Vắng yếu tố (2) và (3) : Tàu dừa – chiếc. lược chải vào mây xanh.

So sánh có tác dụng như sau:

- + Về nhận thức: qua so sánh, đối tượng nói đến được hiểu rõ hơn.
- + Về biểu cảm: hình ảnh so sánh làm tăng thêm tính biểu cảm cho câu.

4. Giải quyết hệ thống bài tập để tiết học có hiệu quả cao.

Sau khi đã trang bị cho mình đầy đủ những kiến thức và phương pháp cần thiết thì giải quyết hệ thống bài tập để tiết học có hiệu quả cao là biện pháp quan trọng nhất.

Với việc thống kê các dạng bài như đã trình bày ở trên, với mỗi dạng bài tập, tôi lại đưa ra những cách giải quyết khác nhau. Ví dụ:

• Dạng bài tập nhận biết biện pháp tu từ:

- Khi dạy bài tập 2 SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 80: *Tìm sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn dưới đây:*

“ Hai bàn tay em
Như hoa đầu cành”

(Huy Cận)

“ Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ màu ngọc thạch”
(Vũ Tú Nam)

“ Cánh diều như dấu á
Ai vừa tung lên trời”

(Phạm Như Hà)

Tôi nhận thấy để làm tốt bài tập này, học sinh phải phát hiện các từ chỉ sự vật được so sánh từ đó các em sẽ tìm được các sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ, câu văn trên.

Có 2 phương án:

Phương án 1: Gạch chân các từ chỉ sự vật so sánh trong các câu trên bằng bút chì vào SGK.

Phương án 2: Phát phiếu học tập trong nhóm đôi. Các nhóm điền vào phiếu.

Câu	Sự vật 1	Từ so sánh	Sự vật 2
a)	Hai bàn tay	như	hoa đầu cành
b)	Mặt biển	như	tấm thảm khổng lồ
c)	Cánh diều	như	dấu “á”

Học sinh trình bày:

+ “Hai bàn tay em” so sánh với “hoa đầu cành”.

+ “Mặt biển” so sánh với “tấm thảm khổng lồ”.

+ “Dấu hỏi” so sánh với “vành tai nhỏ”.

Sau đó, tôi hỏi học sinh ngược lại là vì sao “Hai bàn tay em” được so sánh với “hoa đầu cành” hay vì sao nói “Mặt biển” như “tấm thảm khổng lồ”? rồi hướng dẫn học sinh tìm xem các sự vật so sánh này đều có **điểm giống** nhau nào, chẳng hạn:

+ Hai bàn tay của em bé **nhỏ xinh** như một bông hoa.

+ Mặt biển và tấm thảm **đều phẳng**, êm và đẹp.

+Cánh diều hình **cong cong**, **võng xuống** giống hệt như dấu á.

(Để giúp học sinh thấy được rõ hơn điểm giống nhau giữa cánh diều và dấu á, tôi vẽ lên bảng “cánh diều” và “dấu á”)

- Khi dạy bài tập 1 SGK Tiếng Việt 3 tập I trang 58: *Tìm các hình ảnh so sánh trong các câu dưới đây:*

“ Trẻ em như búp trên cành
Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan”

(Hồ Chí Minh)

“ Bà như quả ngọt chín rồi
Càng thêm tuổi tác càng tươi lòng vàng”

(Võ Thanh An)

Với dạng bài này, học sinh sẽ dễ dàng tìm sự vật so sánh với con người nhưng các em chưa giải thích được “ *Vì sao?*”. Chính vì điều đó, giáo viên giúp học sinh tìm được đặc điểm chung của sự vật và con người, chẳng hạn: “*Trẻ em*” giống như “*búp trên cành*”. Vì đều là những sự vật còn tươi non đang phát triển đầy sức sống non tơ, chứa chan niềm hi vọng. “*Bà*” sống đã lâu, tuổi đã cao giống như “*quả ngọt chín rồi*” đều phát triển đến độ già giặn có giá trị cao, có ích lợi cho cuộc đời, đáng nâng niu và trân trọng.

• **Dạng bài tập vận dụng biện pháp tu từ so sánh**

Khi dạy bài tập 4 (SGK Tiếng Việt tập I trang 126): *Tìm những từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống:*

a) **Công cha nghĩa mẹ** được so sánh như ... như...

b) Trời mưa, **đường đất sét trơn** như ...

c) Ở thành phố có nhiều **toà nhà cao** như ...

Ở mỗi câu, tôi luôn để học sinh tự xác định sự vật đã cho để cho các em có thể tìm nhiều từ cần điền.

Ví dụ: a) núi Thái Sơn, nước trong nguồn chảy, sông như biển,...

b) bơi mồi, xà phòng, đổ dầu,...

c) núi, những ngọn tháp, ...

Các bài tập mang tính sáng tạo này rất ít nên trong quá trình dạy, nhất là các

tiết Tiếng Việt (tăng cường), tôi thường đưa thêm những bài tập tương tự để học sinh khắc sâu kiến thức.

Ví dụ: Tương tự như bài tập 3 SGK trang 126: Ta có thể đưa ra bài tập sau:

Quan sát từng cặp tranh rồi viết các câu có hình ảnh so sánh:



Học sinh có thể viết các câu có hình ảnh so sánh như sau:

- Xe ô tô lao nhanh như tên bắn.
- Bóng đèn điện toả sáng như mặt trăng.
- Cây thông cao như ngọn tháp.
- Mặt trăng tròn như cái đĩa.
- Nụ cười của cô ấy tươi như hoa.

Tuy nhiên, thực tế giảng dạy cho thấy: Khi dạy về biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh, phần lớn giáo viên hướng dẫn cho học sinh làm bằng miệng các bài tập bằng phương pháp hỏi - đáp, rồi học sinh mới viết vào vở. Nếu làm như vậy thì thời gian cho học sinh suy nghĩ không nhiều, chỉ có những em khá giỏi nhận biết nhanh phát biểu, còn lại những em khác chỉ nghe bạn nói và ghi nhận kết quả bạn nêu. Do

đó, các em luôn mơ hồ về kiến thức đã học, cảm thấy sợ và ngại học. Với phương pháp đó, giáo viên cũng thấy mệt và không phát huy được cả 3 đối tượng cùng tham gia vào việc xây dựng bài mà chỉ một phần học sinh khá giỏi trong lớp.

Còn nếu giáo viên chỉ tổ chức cho học sinh học tập theo hình thức: Học sinh làm bài vào vở - chữa bài - giáo viên khẳng định đúng sai, không có sự dẫn dắt, gợi mở, giải thích, bổ sung thêm kiến thức gì thì giờ học trở nên buồn tẻ, kiến thức bài học hết sức mờ nhạt. Tôi nghĩ rằng người giáo viên phải lựa chọn hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp với từng bài tập kết hợp với việc ứng dụng công nghệ thông tin để giúp học sinh nắm được kiến thức và cảm nhận được cái hay, cái đẹp ở một vài hình ảnh so sánh tiêu biểu, có tính biểu cảm cao để giờ học thêm hấp dẫn và lôi cuốn. Vì vậy tùy từng bài tập tôi lựa chọn một cách linh hoạt các hình thức và phương pháp sao cho phù hợp.

Ví dụ: Cách giải quyết hệ thống bài tập cho bài “so sánh” ở tuần 5 như sau:

+ Bài tập 1:

Trước tiên, tôi cho học sinh đọc và xác định yêu cầu của bài: “*Tìm và gạch dưới các hình ảnh so sánh trong mỗi khổ thơ*”.

Với yêu cầu trên, chỉ với hình thức: Cô hỏi - trò trả lời thì chỉ có các em tiếp thu bài nhanh được tham gia vào các hoạt động học tập, còn những em khác sẽ hoàn toàn bị thụ động trong việc tiếp thu kiến thức. Mặt khác, ở bài tập này, ngoài một số hình ảnh so sánh dễ nhận ra còn có một vài hình ảnh so sánh khác (kiểu so sánh hơn kém) mà các tiết học về so sánh trước các em chưa được làm quen. Vì vậy, nếu không có sự hướng dẫn, làm mẫu của giáo viên thì phần lớn học sinh trong lớp sẽ không tìm được hình ảnh so sánh trong bài. Do đó, ở bài tập này tôi đã lựa chọn hệ thống câu hỏi gợi mở giúp học sinh tự tìm ra kiến thức mới.

- Các con tìm xem ở khổ thơ a có những hình ảnh so sánh nào?

Qua những tiết học về so sánh trước, các em tìm được ngay hình ảnh:

Ông là buổi trời chiều.

Cháu là ngày rạng sáng.

Còn một hình ảnh so sánh nữa các em khó phát hiện ra nếu không có sự gợi ý của giáo viên. Khi đó, tôi đã lưu ý các em:

- Các con chú ý 2 dòng thơ đầu:

Bế cháu ông thủ thi

Cháu khoẻ hơn ông nhiều!

Ở đây cũng có hình ảnh so sánh đấy. Bạn nào tìm được?

Với câu hỏi này, các em dễ dàng tìm được hình ảnh so sánh “Cháu khoẻ hơn ông nhiều” cho dù hình ảnh so sánh này thuộc kiểu so sánh mới mà ở những tiết học trước các em chưa được làm quen.

Sau khi học sinh trả lời, tôi khẳng định đáp án đúng trên phần mềm power point và nhấn: Ở đây có sự so sánh về sức khoẻ giữa ông và cháu.

- Tương tự như vậy, tôi cho học sinh tìm các hình ảnh so sánh ở khổ thơ b và c. Đến đây, hầu như em nào cũng tìm được các hình ảnh so sánh còn lại ở khổ thơ b và c. Ngay cả hình ảnh:

“ Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con ”

Tôi cứ nghĩ rất ít học sinh trả lời được. Thế nhưng hầu hết các em đều tìm ra đáp án và giơ tay phát biểu trả lời một cách tự tin.

Sau khi học sinh làm xong và chữa bài trên bảng, tôi cho học sinh dưới lớp đổi chéo vở để kiểm tra bài của nhau. Khi ấy sẽ nảy sinh một số cách làm khác.

+ Câu b: Học sinh gạch như sau:

Trăng khuya sáng hơn đèn

Hoặc

Trăng khuya sáng hơn đèn

+ **Câu c:** Học sinh gạch là:

Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

Hoặc:

Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

Các em đều làm đúng. Điều quan trọng là trong mỗi cụm từ đó phải có các từ nòng cốt: *Trăng- đèn* hay *những ngôi sao - mẹ*.

Với hình thức tổ chức như trên, mọi học sinh trong lớp tôi đều tích cực tham gia vào việc chiếm lĩnh kiến thức. Mặt khác, qua việc kiểm tra bài của bạn, học sinh được khẳng định mình, tự tin hơn, hứng thú hơn trong học tập.

Khác với những tiết học so sánh ở 2 tuần trước, bài này không chỉ dừng lại ở việc tìm các hình ảnh so sánh mà còn một yêu cầu mới là các em phải hiểu và phân biệt được đâu là kiểu so sánh ngang bằng, đâu là kiểu so sánh hơn kém.

Theo như hướng dẫn ở sách giáo viên thì ngay sau khi cho học sinh tìm các hình ảnh so sánh ở bài tập 1 sẽ cho các em nhận biết kiểu so sánh ở mỗi hình ảnh so sánh vừa tìm được.

Ví dụ:

Trăng khuya sáng hơn đèn	→ So sánh hơn kém
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời	→ So sánh ngang bằng

Song qua nghiên cứu bài, tôi nhận thấy: Để các em hiểu rõ, hiểu cặn kẽ vì sao hình ảnh này là so sánh ngang bằng vì sao hình ảnh kia là so sánh hơn kém đồng thời xác định kiểu so sánh hơn kém hay ngang bằng điều đó phụ thuộc rất nhiều vào từ chỉ sự so sánh có trong hình ảnh so sánh đó. Vì vậy nếu cho học sinh xác định ngay kiểu so sánh ở bài tập 1 sẽ rất áp đặt. Các em sẽ nắm bài một cách mơ hồ, đại

khái. Bởi vậy, tôi mạnh dạn để phần này sau khi cho học sinh tìm các từ so sánh ở bài tập 2 và tiến hành như sau:

+ Bài tập 2:

Sau khi học làm bài và chữa bài xong, tôi bật slide ghi lại các hình ảnh so sánh và các từ so sánh vừa tìm được ở bài tập 1 và 2.

Hình ảnh so sánh	Kiểu so sánh
a)Cháu khoẻ hơn ông nhiều Ông là buổi trời chiều Cháu là ngày rạng sáng	
b)Trăng khuya sáng hơn đèn	
c) Những ngôi sao thức, chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con Mẹ là ngọn gió của con suốt đời	

Để giúp học sinh hiểu và xác định đúng kiểu so sánh, tôi đã làm mẫu 2 hình ảnh so sánh ở phần a:

Cháu khoẻ hơn ông nhiều

Ông là buổi trời chiều

Bằng một số câu hỏi dẫn dắt:

- Cô mời một bạn đọc lại cho cô phần a.
- Trong khổ thơ con vừa đọc, có những từ so sánh nào chúng mình đã được học ở các tiết trước? (Học sinh trả lời: từ “là”)

Tôi khẳng định đúng bằng cách bấm hiệu ứng nhấp nháy và đổi màu từ “là” rồi tiếp tục hỏi học sinh:

- Cô đố các con: ở đây vì sao tác giả lại nói: “ Ông là buổi trời chiều”?

Học sinh nêu cách hiểu của mình.

Tôi chỉ vào hình ảnh so sánh và nói: Ông mỗi ngày một yếu dần giống như buổi trời chiều ánh nắng mỗi lúc một nhạt dần. Và để so sánh ông với buổi trời chiều, tác giả đã dùng từ so sánh là từ “là”. Từ “là” thể hiện sự **giống nhau, ngang bằng nhau** của hai hình ảnh so sánh ông và buổi trời chiều. Do đó, hình ảnh này thuộc kiểu so sánh ngang bằng. Tôi bấm slide tiếp theo, màn hình hiện lên dòng chữ “**ngang bằng**” tương ứng với hình ảnh “**Ông là buổi trời chiều**”

Hình ảnh so sánh	Kiểu so sánh
a)Cháu khoẻ hơn ông nhiều Ông là buổi trời chiều Cháu là ngày rạng sáng	⇒ ngang bằng
b)Trăng khuya sáng hơn đèn	
c) Những ngôi sao thức, chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con Mẹ là ngọn gió của con suốt đời	

Giáo viên chỉ tiếp vào hình ảnh so sánh đầu tiên và nói: Còn ở đây, hình ảnh: “**Cháu khoẻ hơn ông nhiều**” tác giả đã sử dụng từ so sánh nào?

- Học sinh trả lời: từ “**hơn**”.

- Đây là từ so sánh mới mà hôm nay chúng ta học (bấm hiệu ứng nhấp nháy và đổi màu từ “**hơn**”). Từ “**hơn**” thể hiện sự hơn kém nhau về sức khoẻ giữa ông và cháu nên người ta gọi đây là kiểu so sánh hơn kém và lại bấm slide xuất hiện dòng chữ “**hơn kém**”:

Hình ảnh so sánh	Kiểu so sánh
a)Cháu khoẻ hơn ông nhiều Ông là buổi trời chiều Cháu là ngày rạng sáng	⇒ hơn kém ⇒ ngang bằng
b)Trăng khuya sáng hơn đèn	
c) Những ngôi sao thức, chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con Mẹ là ngọn gió của con suốt đời	

Dưới sự dẫn dắt, giảng giải như làm mẫu ở trên, học sinh dễ dàng tìm và xác định đúng kiểu so sánh ở các hình ảnh còn lại.

Với cách tổ chức hoạt động học tập như trên đã kích thích được tính tích cực học tập của học sinh. Các em sôi nổi, hào hứng học tập, lĩnh hội kiến thức một cách nhẹ nhàng, thoải mái.

Ngoài từ “**hơn**” thể hiện sự so sánh hơn kém còn có từ “**chẳng bằng**”.

Để giúp các em nắm vững hơn, tôi đã đặt ra một số câu hỏi như sau:

Vì sao các con cho rằng: “*Những ngôi sao thức chẳng bằng mẹ thức vì con*” là kiểu so sánh hơn kém?

- Con hiểu từ “**chẳng bằng**” có nghĩa là thế nào?(“chẳng bằng” có nghĩa là:
+Không bằng nhau/kém hơn)

Trong các hình ảnh có trong bài, tôi thấy hình ảnh:

“ *Những ngôi sao thức ngoài kia*

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con”

là hay nhất. Vì vậy, ngoài mục tiêu của bài tập 1 và 2, tôi thấy cần phải giúp học sinh cảm nhận được cái hay, cái đẹp của hình ảnh so sánh này qua lời giảng giải: Tác giả dùng từ “*chẳng bằng*” để làm nổi bật hơn hình ảnh người mẹ đã thao thức,

lo lắng vì con. Sao thức suốt đêm để soi sáng trên bầu trời nhưng sao đâu bằng mẹ, bởi người mẹ trong những vần thơ trên đã thức bên bỉ hơn cả những ngôi sao không khi nào ngủ. Qua đó, ta thấy tình mẹ đối với con cái thật bao la, vô bờ, không gì sánh nổi.

Cuối cùng, để củng cố lại những kiến thức mà các em vừa được học, tôi đưa ra một số câu hỏi:

- Vừa rồi các con được biết mấy kiểu so sánh? (2 kiểu so sánh).
- Kiểu so sánh nào vừa được học? (So sánh hơn kém).
- So sánh hơn kém thường dùng những từ so sánh nào? (Thường dùng từ hơn, kém, chẳng bằng ...)

Cuối cùng, tôi giới thiệu thêm một số từ dụng để so sánh hơn kém như: kém xa, kém nhiều, không bằng...

+ Bài tập 3:

Bài tập này vẫn là dạng bài tập nhận biết biện pháp tu từ so sánh:

Tìm và ghi tên những sự vật so sánh với nhau trong các câu thơ.

Yêu cầu của bài không có gì mới so với những bài tập học sinh đã làm, nhưng điều khác biệt ở đây là hình ảnh so sánh không có từ biểu thị quan hệ so sánh giữa 2 sự vật (là, tựa, ...). Do đó, học sinh sẽ cảm thấy khó và lúng túng hơn trong việc làm bài. Chính vì vậy, tôi đã yêu cầu các em đọc kĩ các câu thơ trong bài và tổ chức cho các em thảo luận nhóm đôi để tìm ra các sự vật được so sánh với nhau.

Sau khi học sinh nêu ý kiến thảo luận của nhóm mình, Tôi nhận xét và chốt câu trả lời đúng trên màn hình power point:

Bài 3: Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ dưới đây:

Thân dừa bạc phếch tháng năm

Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao

Đêm hè hoa nở cùng sao

Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.

Trần Đăng Khoa

Để khẳng định lại ý kiến nêu ra của học sinh, đồng thời kiểm tra xem cảm nhận về cái hay, cái đẹp của các em ở mỗi hình ảnh so sánh ấy như thế nào, tôi đưa ra câu hỏi:

- Vì sao các con cho rằng *quả dừa* và *đàn lợn con* là hai sự vật được so sánh với nhau?

- Tại sao *tàu dừa* lại được so sánh với *chiếc lược*?

Sau những ý kiến phát biểu của học sinh, để giúp các em cảm nhận rõ hơn cái hay, cái đẹp trong mỗi hình ảnh so sánh ấy, tôi bật slide có hình ảnh cây dừa



chỉ hình và nói: Các con thấy này, những chùm dừa rất sai quả đúng không nào?

Quả của nó tròn, xúm xít vào nhau giống như những chú lợn con nằm chen chúc bên cạnh mẹ. Còn tàu dừa có những chiếc lá nhỏ rủ xuống và cách đều nhau giống như răng của chiếc lược. Khi có gió, nó đung đưa trông như một chiếc lược khổng lồ chải vào mây xanh. Nhờ có sự quan sát tinh tế ấy mà tác giả đã viết nên những hình ảnh so sánh đẹp làm cho câu thơ trở nên sinh động và hấp dẫn.

Qua lời dẫn dắt và giảng giải trên, ngoài tác dụng giáo dục học sinh sự yêu thích cái đẹp trong thơ văn, yêu thích cảnh vật gần gũi quen thuộc với cuộc sống con người Việt Nam, các em biết vận dụng và học tập trong lời viết văn của mình. Một lần nữa, tôi còn muốn nhấn mạnh lại điểm giống nhau giữa 2 sự vật được so sánh với nhau đó để làm căn cứ cho câu hỏi đặt ra tiếp theo.

- Như vậy, các con thấy hai hình ảnh so sánh:

Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao.

Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.

Thuộc kiểu so sánh nào ? (So sánh ngang bằng)

- Chúng ta thấy những câu thơ có hình ảnh so sánh kiểu so sánh ngang bằng ở bài tập 1 đều có từ so sánh. Còn 2 hình ảnh so sánh ở bài tập này có gì khác? (Hai hình ảnh so sánh này không có từ so sánh; giữa 2 sự vật được so sánh với nhau có dấu gạch ngang “-”).

Việc dẫn dắt, đặt thêm câu hỏi khai thác nội dung kiến thức như trên là rất cần thiết và chặt chẽ. Điều đó sẽ là cơ sở giúp học sinh làm tốt bài tập 4. Hiểu 2 hình ảnh so sánh trên thuộc kiểu so sánh ngang bằng thì các em sẽ tìm được đúng những từ so sánh để thay vào dấu gạch ngang (-) trong 2 hình ảnh so sánh ấy.

+ Bài tập 4:

Trước khi vào bài tập 4, dựa vào bài tập 3 tôi chuyển ý như sau: Với kiểu so sánh ngang bằng, người ta có thể thấy các từ so sánh bằng dấu gạch ngang (-), và

ngược lại, chúng có có thể thay dấu gạch ngang (-) bằng các từ so sánh. Vậy thay như thế nào? chúng ta cùng chuyển sang bài tập 4.

- Bài tập 4 yêu cầu học sinh tìm các từ so sánh có thể thêm vào những câu chưa có từ so sánh ở bài tập 3.

Như vậy những gì cần lưu ý để giúp các em làm tốt bài tập này tôi đã gợi mở và hướng cho các em ngay từ bài tập 3. Vì vậy, học sinh có thể tự làm được một cách dễ dàng. Nhưng nếu để cho các em tự tìm và viết vào vở thì giờ học sẽ không được vui. Để tạo không khí sôi nổi, học sinh hứng thú trong học tập, tôi đã tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: “ **Rung chuông vàng**”

Tôi chia lớp thành 4 đội tương ứng với 4 tổ, nhiệm vụ của mỗi đội là tìm từ so sánh để điền vào chỗ trống ở hai hình ảnh so sánh của bài tập 3 (bật slide có sẵn câu thơ có hình ảnh so sánh ở bài tập 3)

Trong 2 phút, khi tiếng chuông rung lên đội nào tìm và viết được nhiều từ so sánh thích hợp sẽ thắng cuộc.

Sau trò chơi, tôi cho cả lớp cùng nhận xét, tính điểm cho các đội và tuyên dương đội thắng cuộc. Sau đó cho cả lớp thay một vài từ so sánh và đọc lên:

Ví dụ :

Quả dừa giống như đàn lợn con nằm trên cao.

Tàu dừa tựa như chiếc lược tựa vào mây xanh ...

Với trò chơi trên, tất cả học sinh đều được tham ra, các em đều được chơi rất vui và sôi nổi. Sau trò chơi, tôi hỏi thêm học sinh:

Tất cả những từ so sánh vừa tìm được thuộc kiểu so sánh nào?

Cuối cùng tôi chốt: Tất cả những từ vừa so sánh các con vừa tìm thuộc kiểu so sánh ngang bằng và những từ đó có thể thay thế được vào chỗ trống. Tuy nhiên khi tìm từ thay thế vào dấu gạch ngang (-) ở câu thơ trên, các con nên lựa chọn từ

thích hợp để không làm giảm đi cái hay, cái đẹp của câu thơ.

5. Trò chơi học tập

Qua ví dụ về cách giải quyết bài “so sánh” ở tuần 5 chúng ta đều thấy được việc đưa trò chơi học tập vào các tiết dạy là rất hiệu quả. Trò chơi học tập là hình thức hấp dẫn nhất trong đó chơi là phương tiện, học là mục đích. Thông qua hình thức chơi mà học, học sinh sẽ được hoạt động, tự củng cố kiến thức. Tuy nhiên, muốn tổ chức trò chơi có hiệu quả, cần xác định mục đích của trò chơi, hình thức chơi cũng phải đa dạng, cách chơi cần phải đơn giản, dễ hiểu.

Ví dụ: Trò chơi “ Thử tài so sánh”

Mục đích:

- Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ bằng cách tạo nhanh các cụm từ có hình ảnh so sánh đúng.
- Luyện phản ứng nhanh, trau dồi trí tưởng tượng, liên tưởng về hoạt động hay đặc điểm, tính chất... của sự vật.

Chuẩn bị:

- Làm các bộ phiếu bằng giấy (Kích thước : 3 x 4 cm)
- Mỗi bộ phiếu gồm 3-5 từ chỉ hoạt động, trạng thái, đặc điểm, màu sắc ... của sự vật (Tùy thời gian chơi, nội dung bài học). Lớp 3 chủ yếu là từ chỉ hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất.

Ví dụ :

- + Bộ phiếu A(5 từ chỉ hoạt động, trạng thái) : Đọc, viết, cười, nói , khóc
(Dành cho Tiết 7: ôn tập từ chỉ trạng thái , tính chất)
- + Bộ phiếu B (5 từ chỉ màu sắc)Trắng, xanh, đỏ, vàng, đen
(Dành cho tiết 15: Luyện đặt câu có hình ảnh so sánh)

+ Bộ phiếu C (5 từ chỉ đặc điểm, tính chất): đẹp, cao, khoẻ, nhanh, chậm (Dành cho tiết 14, 17: ôn tập từ chỉ đặc điểm)

- Phiếu được gấp tự để “bốc thăm”
- Cử trọng tài, thư kí theo dõi cuộc thi.

Tiến hành :

- Trọng tài để một bộ phiếu lên bàn cho học sinh xung phong lên thử tài so sánh (1 bộ phiếu 5 từ thì dành cho 5 người “thử tài”).

- Học sinh 1 (HS1) lên “bốc thăm”, mở phiếu đọc từ cho các bạn nghe rồi nêu thật nhanh cụm từ có hình ảnh so sánh để làm rõ nghĩa từ đó.

Ví dụ: HS1: “bốc thăm” được từ *trắng* - Có thể nêu cụm từ so sánh: *trắng như tuyết, trắng như vôi, (hoặc : trắng như trứng gà bóc)*.

Trọng tài cùng cả lớp chứng kiến và xác nhận kết quả *Đúng- Sai*

+ *Đúng* được bao nhiêu kết quả được bấy nhiêu điểm .

+ *Trọng tài* đếm từ 1-5 vẫn không nêu được kết quả thì không có điểm .

- Lần lượt 5 học sinh lên bốc thăm thử tài .Hết 5 phiếu thì về chỗ, thư kí công bố kết quả .

- Mỗi bộ phiếu sẽ chọn ra 1 người có tài so sánh cao nhất là người thắng cuộc.

*** Cách tiến hành này có thể thay đổi tùy sự linh động của giáo viên. Cũng có thể mỗi học sinh lần lượt bốc cả 5 phiếu. Mỗi phiếu chỉ cần nêu 1 cụm từ . Người thứ không được nêu lặp cụm từ của người trước . Hoặc cũng có thể bốc cả 5 phiếu và tiến hành theo nhóm. Nhóm nào tìm được nhiều cụm từ nhất thì nhóm đó thắng.**

Tham khảo:

1/ Gợi ý các cụm từ có hình ảnh so sánh nêu ở mục chuẩn bị

Bộ phiếu A: (5 từ chỉ hoạt động, trạng thái)

- Đọc : Đọc như đọc kinh, đọc như cuộc kêu, đọc như nói thầm ...
- Viết : viết như gà bới, viết như giun bò, viết như rồng bay phượng múa, viết như in,...
- Cười : cười như nắc nẻ, cười như pháo nổ , cười như mếu, ...
- Nói : nói như khướu, nói như vẹt, nói như Trạng Quỳnh, ...
- Khóc : khóc như mưa, khóc như ri, khóc như cha chết , ...

Bộ phiếu B (5 phiếu từ chỉ màu sắc):

- Trắng : trắng như trứng gà bóc, trắng như tuyết, trắng như vôi, trắng như bột lọc, trắng như ngà voi,...
- Xanh: xanh như tàu lá, xanh như pha mực, xanh như nước biển ...
- Đỏ : Đỏ như máu, đỏ như son, đỏ như gấc, đỏ như mận chín, đỏ như ớt, đỏ như quả cà chua,...
- Đen: đen như than, đen như gỗ mun, đen như cột nhà cháy, đen như quạ, đen như cuốc ,...
- Vàng: vàng như nghệ, vàng như mật ong, vàng như tơ, vàng như nắng, vàng như lụa,...

Bộ phiếu C: (5 phiếu từ chỉ đặc điểm, tính chất)

- Đẹp : đẹp như tiên, đẹp như hoa, đẹp như tranh, đẹp như mơ,...
- Cao: cao như núi, cao như ngọn tháp, cao như sếu, cao như cây sào,...
- Khỏe : khỏe như voi, khỏe như trâu, khỏe như bò mộng, khỏe như hổ, khỏe như lực sĩ ,...
- Nhanh: nhanh như sóc, nhanh như điện, nhanh như cắt, nhanh như gió , nhanh như chớp ,...

- Chậm: chậm như sên, chậm như rùa, ...

6. Dạy Biện pháp so sánh tích hợp vào các môn học:

Vì thời lượng học về biện pháp tu từ so sánh không nhiều nên muốn việc học của học sinh có hiệu quả cao, tôi thấy nhiệm vụ của người giáo viên không chỉ dạy tốt trong các tiết luyện từ và câu mà cần phải dạy tích hợp vào các môn học khác như Tiếng Việt, toán, tự nhiên xã hội...

6.1 Tích hợp trong môn Tiếng Việt :

Khi dạy các phân môn thuộc bộ môn Tiếng Việt, giáo viên cần lồng ghép giữa các phân môn trong môn Tiếng Việt với nhau.

Ví dụ 1: Khi dạy bài tập đọc: "Hai bàn tay em" SGK Tiếng Việt 3 tập I (Trang 7). Trong bài này có rất nhiều hình ảnh tu từ so sánh giáo viên cần nhấn mạnh để gây hứng thú cho tiết tiếp theo của môn: "Luyện từ và câu". Giáo viên có thể cho học sinh tìm các câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh .

Ví dụ 2 : Khi dạy bài tập đọc “ Cửa Tùng ”, để giải thích từ ngữ (**chiếc thau đồng, bờ biển Cửa Tùng**) GV có thể cho học sinh tìm câu văn có sử dụng biện pháp so sánh . Học sinh sẽ rất dễ dàng tìm ra câu :

- **Mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển .**
- Người xưa đã ví **bờ biển Cửa Tùng** giống như một **chiếc lược chải** mỗi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

Với những câu văn hay như thế, học sinh đã tìm được thì sẽ nhớ rất lâu và sẽ áp dụng tốt trong việc viết văn của mình .

6.2 Tích hợp trong môn tự nhiên xã hội :

Khi dạy bài “ **Các thế hệ trong gia đình**” Giáo viên có thể cho học sinh tìm những câu tục ngữ, ca dao, thành ngữ nói về tình cảm của những người thân trong

gia đình. Học sinh đại trà tìm tự do. Học sinh giỏi, giáo viên có thể yêu cầu cao hơn(có sử dụng biện pháp so sánh)

- Anh em như thể tay chân
- Con hơn cha là nhà có phúc
- Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

6.2 Tích hợp trong môn Toán :

Tích hợp biện pháp so sánh khi dạy môn toán qua các dạng về nhiều hơn, ít hơn, điền dấu $, > , = ,$ so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, số bé bằng một phần mấy số lớn ...

Ví dụ: Khi dạy bài “So sánh các số trong phạm vi 100 000” để củng cố quy tắc so sánh các số trong phạm vi 100 000 tôi viết lên bảng: 999 ... 1012 rồi yêu cầu học sinh so sánh. Dựa vào vốn hiểu biết của mình, học sinh nhận xét: 999 có số chữ số chữ số ít hơn số chữ số của 1012 nên 999 bé hơn 1012 ta điền dấu $<$.

C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Nhờ có sự đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phong phú như trên nên tiết học diễn ra rất sôi nổi, các em tiếp thu bài một cách nhẹ nhàng, phát huy được tính tích cực học tập của học sinh.

Khi hướng dẫn học sinh tìm biện pháp tu từ so sánh và sử dụng triệt để các biện pháp trên. Tập trung trò chơi ở phần củng cố và các tiết tăng cường, tôi khảo sát học sinh lớp 3c cuối năm học 2010 – 2011 đạt kết quả như sau:

Số học sinh có kĩ năng nhận dạng và sử dụng tốt tu từ so sánh	Số học sinh có kĩ năng nhận dạng và sử dụng được tu từ so sánh	Số học sinh chưa có kĩ năng nhận dạng tu từ so sánh
24/34	10/34	0

Như vậy, với cách thực hiện các biện pháp nêu trên tôi thấy kết quả học tập của học sinh lớp mình đã có sự chuyển biến rõ rệt.

Bên cạnh những kết quả đáng mừng như trên, qua giờ học tôi đã xoá bỏ được sự e ngại của học sinh khi học các tiết Luyện từ và câu. Vốn từ của các em phong phú hơn, các em sử dụng Tiếng Việt đúng ngữ pháp, giàu hình ảnh và có nghệ thuật hơn. Hơn nữa tôi đã giáo dục cho các em tình cảm yêu mến những con người, những sự vật gần gũi xung quanh mình và nói rộng hơn là tình yêu quê hương đất nước qua những hình ảnh so sánh, những hình ảnh nhân hoá.

Qua những tiết học như vậy, các em thực sự say mê, yêu thích học phần môn luyện từ và câu nói riêng, môn Tiếng Việt nói chung. Và tôi hiểu rằng mình đã thành công hơn trong công tác giảng dạy.

C : KẾT LUẬN

Dạy học Tiếng Việt trong chương trình Tiểu học là hết sức quan trọng. Là giáo viên giảng dạy, tôi thấy phần môn Luyện từ và câu ở Tiểu học có vai trò rất quan trọng trong việc học Tiếng Việt của học sinh. Qua các tiết dạy, tôi thấy muốn học sinh học tốt biện pháp tu từ so sánh:

*** Về phía học sinh:**

- Chuẩn bị kĩ bài trước khi đến lớp .
- Học sinh tự củng cố vốn kiến thức của mình bằng cách đọc nhiều sách báo phù hợp với lứa tuổi, xem băng hình, quan sát tranh...
- Khi làm bài tập yêu cầu học sinh đọc kỹ đề bài, xác định đúng yêu cầu của bài, phân biệt được chúng thuộc kiểu bài so sánh dạng nào rồi mới bắt tay vào làm bài.
- Khi quan sát sự vật , cần quan sát thật tinh tế để tìm ra những điểm giống nhau, những nét tương đồng .
- Cho học sinh giao lưu trực tiếp với các bạn trong lớp, trong trường sau mỗi bài học: "Luyện từ và câu" dạng này để học sinh khắc sâu kiến thức.

*** Về phía giáo viên :**

- Nghiên cứu và nắm vững nội dung tiết học.
- Tổ chức các hình thức giảng dạy phong phú.
- Xây dựng hệ thống câu hỏi dẫn dắt hợp lý, phù hợp với từng đối tượng học sinh.
- Nếu dự định tổ chức trò chơi học tập thì phải chuẩn bị kĩ . Lường trước các tình huống sư phạm có thể xảy ra.(Học sinh có thể dùng từ thiếu tính sư phạm ,....) không chơi ngẫu hứng , tùy tiện .
- Trong mỗi tiết học, giáo viên luôn giữ vai trò người tổ chức, hướng dẫn, giúp đỡ học sinh. Học sinh thực sự được làm việc để mỗi học sinh đều có kết quả

của mình làm ra.

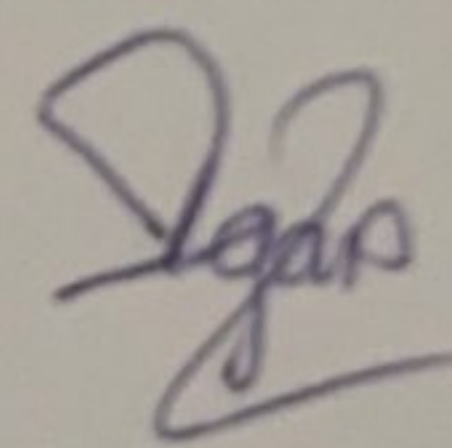
Ngoài ra, muốn học sinh giỏi thì giáo viên giỏi. Do đó, tôi không ngừng tự học tập, tự bồi dưỡng kiến thức để nâng cao nghiệp vụ.

Trên đây, tôi mạnh dạn đưa ra một số biện pháp cải tiến nhằm nâng cao chất lượng học tập. (Luyện từ và câu) ở phần nội dung *Một số biện pháp tu từ so sánh*. Rất mong các bạn đồng nghiệp cùng chia sẻ và góp ý kiến để tôi có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Tứ Hiệp, ngày 10 tháng 5 năm 2011

Người viết



Trương Thuý Ngân